

THỰC TRẠNG GIÁO DỤC Ở KHU VỰC NÔNG THÔN VIỆT NAM HIỆN NAY

ThS. NGUYỄN THỊ THANH THỦY*

Ngày nhận bài: 22/04/2016; ngày sửa chữa: 25/04/2016; ngày duyệt đăng: 25/04/2016.

Abstract: In the context of implementing the development strategy to 2020 to become an industrialized country towards modernization, Vietnam must foster education quality not only in urban areas but also in rural areas. The article analyses situation of education in rural with many difficulties and proposes recommendations aimed at developing rural education towards sustainable development, helping people in rural areas find good jobs and improve their living standards.

Keywords: Rural areas, community-based study.

1. Nông thôn Việt Nam là địa bàn chiếm khoảng 80% diện tích đất đai, trên 75% dân số và hơn 70% lực lượng lao động của cả nước; đồng thời cũng là nơi lưu giữ các truyền thống văn hóa, giá trị của dân tộc [1; tr 5]. Vì vậy, Đảng và Nhà nước luôn quan tâm, xem khu vực này có tầm quan trọng đặc biệt và mang tính chiến lược đối với quá trình phát triển KT-XH của đất nước.

Thực tiễn cho thấy, giáo dục (GD) là một trong những lĩnh vực có nhiều đóng góp cho sự thay đổi mạnh mẽ ở khu vực nông thôn (KVNT). Từ một quốc gia có trên 90% dân số không biết chữ trước Cách mạng tháng Tám (1945) (đa số ở nông thôn), đến nay trên 92% dân số từ 15 tuổi trở lên biết đọc, biết viết. Số năm đi học trung bình của người dân và tỉ lệ lao động qua đào tạo khu vực này từng bước được nâng lên. Đây là một nhân tố quan trọng thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở nông thôn theo hướng tăng tỉ trọng công nghiệp và dịch vụ; đồng thời nâng cao năng suất, hiệu quả sản xuất nông nghiệp. Một trong những nguyên nhân dẫn đến thành công trong phát triển GD ở nông thôn, bên cạnh sự quan tâm, đầu tư, đổi mới hệ thống GD của Đảng và Nhà nước, là sự nhận thức sâu sắc và quan tâm cho GD của các hộ gia đình ở KVNT. Tuy nhiên, quá trình chuyển đổi KT-XH ở khu vực này cũng đã và đang tác động mạnh mẽ đến GD.

Vì vậy, việc tìm hiểu “Thực trạng GD ở KVNT Việt Nam” nhằm đưa ra khuyến nghị phát triển GD KVNT là việc làm có ý nghĩa quan trọng góp phần thực hiện mục tiêu của chiến lược phát triển KT-XH Việt Nam giai đoạn tới.

2. Thực trạng GD ở KVNT Việt Nam

Để thực hiện mục tiêu phát triển KT-XH: phấn đấu đến năm 2020, Việt Nam cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại thì vấn đề đặt ra là phát triển KT-XH đồng bộ trên mọi khu vực trong cả nước, đặc biệt là KVNT. Để hướng đến xây dựng nông thôn

gắn nông nghiệp với phát triển nhanh công nghiệp, dịch vụ [2] thì GD KVNT đóng vai trò quan trọng thúc đẩy sự thay đổi này. Nắm bắt được vấn đề đó, tác giả đi tìm hiểu số liệu về GD KVNT Việt Nam thời gian qua thông qua các nguồn tài liệu chính thống từ các nguồn: Tổng cục Thống kê, các văn bản quy phạm về nông thôn do Chính phủ ban hành, những bài báo, tạp chí, sách chuyên khảo, các đề tài nghiên cứu khoa học đã được công bố..., tác giả đưa ra cái nhìn tổng quát về thực trạng GD KVNT Việt Nam thông qua:

2.1. Hệ thống cơ sở vật chất ngày càng phát triển và hoàn thiện. Trong giai đoạn 2006-2011, thực hiện chủ trương xã hội hóa GD của Nhà nước, hệ thống trường học các cấp ở nông thôn đã được xây dựng mới, nâng cấp và đạt được những kết quả GD cao hơn các thời kì trước đó. Đến năm 2011, cả nước có 9.020 xã có trường tiểu học, đạt 99,5% tổng số xã trong cả nước (năm 2006 đạt 99,3%). Tỉ lệ xã có trường trung học cơ sở (THCS) cũng tăng lên: năm 2011 là 92,9% so với 90,8% năm 2006. Trường trung học phổ thông (THPT) trên địa bàn xã cũng có xu hướng tăng lên khá nhanh: năm 2011 có 1.165 xã có trường THPT, chiếm 12,8% (năm 2006 đạt tỉ lệ 10,8%). Cùng với sự phát triển của hệ thống trường phổ thông tại cấp xã, các lớp mẫu giáo, nhà trẻ đã phát triển, mở rộng đến cấp thôn. Tỉ lệ xã có trường mẫu giáo năm 2011 đạt 96,3% (năm 2006 là 88,7%). Việc mở thêm các điểm trường ở các thôn, bản đã tạo điều kiện thuận lợi để học sinh không phải đi học xa, góp phần giảm tình trạng học sinh bỏ học, nhất là các xã ở vùng cao, vùng sâu, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Phong trào xây dựng và nâng cấp các trường học kiên cố và bán kiên cố; xoá trường, lớp học tạm đạt kết quả đáng khích lệ. Kết quả 3 kì tổng điều tra cho thấy:

* Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam

xu hướng tăng nhanh về số trường học xây dựng kiên cố, giảm số trường học bán kiên cố và lớp học tạm các cấp học phổ thông ở xã. Tỷ lệ trường học được xây dựng kiên cố và bán kiên cố ở các cấp học phổ thông năm 2011 là: - Trường tiểu học đạt: 73% và 26% (năm 2006 đạt 52,2% và 46,3%); - Trường THCS đạt: 85% và 14,2% (2006 đạt 70,1% và 28,7%); - Trường THPT đạt: 92,6% và 7% (2006 đạt 87% và 11,7%). Tuy nhiên, kết quả tổng điều tra năm 2011 cho thấy, việc xây dựng, nâng cấp hệ thống trường, lớp các cấp vẫn còn nhiều bất cập, thể hiện ở sự không đồng đều giữa các vùng, địa phương và các cấp học, đặc biệt là cấp tiểu học. Cụ thể: tính chung cả nước có 99,4% số xã có trường tiểu học, trong đó rất nhiều tỉnh 100% số xã có trường tiểu học. Tuy nhiên, đến 01/7/2011 ở một số tỉnh, tỉ lệ số xã chưa có trường tiểu học còn chiếm trên 3%, như: Cao Bằng, Bắc Kạn, Gia Lai, Quảng Nam... Tỉ lệ số xã có nhà trẻ vào năm 2011 đang nằm ở mức thấp (52%). Cả nước có 46% số thôn có lớp mẫu giáo, nhưng việc phát triển các lớp mẫu giáo tư thục còn rất hạn chế với 1,4% số thôn có lớp mẫu giáo tư thục.

2.2. Hệ thống mạng lưới thông tin, văn hóa, thể thao nông thôn có sự phát triển. Đến năm 2012, cả nước có 44,8% trung tâm văn hóa - thể thao cấp xã; 62,7% số thôn có nhà văn hóa, nhà sinh hoạt cộng đồng; 48,65% thôn được công nhận là làng văn hóa. Hệ thống trung tâm học tập cộng đồng (HTCĐ) từ cấp huyện đến cấp xã tạo cơ hội học suốt đời, làm nền tảng xây dựng xã hội học tập. Cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin đã phát triển đến các xã vùng sâu, vùng xa. Internet tốc độ cao đã đến được hầu hết các điểm bưu điện văn hóa xã (khoảng 55% số xã có điểm truy cập Internet công cộng, vùng phủ sóng 3G đã đạt đến 80% dân số, tỉ lệ xã có điện thoại công cộng là 97%...).

2.3. Việc thụ hưởng GD của thanh niên nông thôn bước đầu được cải thiện, nhưng vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu đối với việc phát triển KT-XH của địa phương, cụ thể:

2.3.1. GD phổ thông. Theo Chương trình GD phổ thông, những người đến 15 tuổi đã có thể học hết THCS và đến 18 tuổi có thể học xong THPT, sau đó họ có thể theo học trung cấp chuyên nghiệp hoặc cao đẳng, đại học. Ở nông thôn, còn nhiều thanh niên chỉ học xong THCS, một số học hết THPT rồi rời bỏ hệ thống GD chính quy; có ít thanh niên nông thôn học lên cao đẳng hoặc đại học; tỉ lệ thanh niên nông thôn chưa biết đọc, biết viết còn khá cao. Theo Số liệu thống kê của Tổng cục Thống kê, năm 2010, số lao động thanh niên (15-35 tuổi) mù chữ là 150.000 người; trong

đó: 90% là thanh niên nông thôn miền núi, vùng sâu, vùng xa; năm 2011 là 87% và năm 2012 là 85%.

2.3.2. Dạy nghề:

- **Dạy nghề truyền thống** là hình thức dạy nghề, truyền nghề được tổ chức tại các gia đình hoặc các cơ sở có nghề tiểu thủ công nghiệp truyền thống. Hình thức này đặc biệt phát triển ở những vùng nông thôn có các làng nghề. Dạy nghề truyền thống chỉ thu hút lực lượng lao động thanh niên tại chỗ hoặc các vùng lân cận, rất ít thanh niên đi học nghề ở nơi xa. Tại các cơ sở dạy nghề, thanh niên nông thôn được truyền dạy từng kĩ năng cụ thể của nghề. Thời gian học phụ thuộc vào khả năng thạo việc của từng người và yêu cầu của từng ngành nghề. Phần lớn trường hợp, sau thời gian học việc và thử việc, người học ở lại làm cho các cơ sở sản xuất này; một số ít trở về gia đình mở cơ sở sản xuất độc lập. Thanh niên có lợi thế năng động, khéo léo và có sức khoẻ nên thường dễ dàng tiếp cận loại hình này.

Tuy nhiên, dịch vụ dạy nghề này có nhiều điểm hạn chế: + Các kiến thức được truyền thụ không có hệ thống, người học không có hiểu biết toàn diện về nghề (đôi khi là do chủ nghề muốn giữ bí quyết) nên khi đối mặt với một hiện tượng mới phát sinh, họ thường lúng túng và không tìm được cách xử lí thích hợp. Cũng chính vì hiểu biết rời rạc về nghề mà nhiều khi muốn áp dụng tiến bộ khoa học kĩ thuật hay cải tiến công nghệ đều khó thực hiện được; + Thời gian học thường lâu và có thành nghề hay không lại phụ thuộc nhiều vào khả năng của từng người học; + Những người truyền nghề thường giữ kín các thông tin về thị trường tiêu thụ sản phẩm cũng như các dịch vụ đầu vào (mua nguyên vật liệu, xây dựng cơ sở sản xuất...). Vì thế, thanh niên nông thôn rất khó khăn trong việc tạo dựng cơ sở sản xuất độc lập và phát triển nghề sau khi có nghề.

- **Các khoá dạy nghề ngắn hạn.** Thanh niên nông thôn có cơ hội tham gia các khoá dạy nghề ngắn hạn tổ chức ngay tại địa phương. Những khoá học này thường là một trong các hoạt động hỗ trợ thanh niên của Chính phủ, của cá nhân và các tổ chức quốc tế; các trung tâm dạy nghề và cơ sở đào tạo của các khu công nghiệp, khu kinh tế được đặt tại địa phương. Hình thức đào tạo này thường đi kèm với việc tổ chức một cơ sở sản xuất tại chỗ, vừa để dạy nghề cho thanh niên, vừa sử dụng nguồn lao động thanh niên vào hoạt động sản xuất. Các khoá học này là sự hỗ trợ hai bên cùng có lợi.

Mô hình lớp dạy nghề lưu động đang mở rộng ở nhiều vùng nông thôn. Các cơ sở đào tạo, các trung tâm xúc tiến việc làm đến tận thôn, xã tổ chức. Mô hình này đáp ứng yêu cầu học nghề của thanh niên

của từng địa phương, giúp họ có thể phát triển kinh tế ngay trên địa phương mình, khai thác được những điểm mạnh của địa phương. Tuy nhiên, với những vùng nông thôn nghèo, thị trường kém phát triển, mô hình này khó có thể áp dụng được bởi thanh niên không có tiền để nộp lệ phí.

2.3.3. Trung tâm HTCĐ. Ở các tỉnh đều có hệ thống Trung tâm HTCĐ do Hội khuyến học quản lí. Sau hơn mười năm (1999-2011), mạng lưới Trung tâm HTCĐ đã phát triển rất mạnh mẽ, với 10.428 trung tâm, phủ kín 93,87% số xã, phường, thị trấn trong cả nước; vượt hơn 13% so với mục tiêu đặt ra trong *Đề án Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2005-2010* ban hành theo Quyết định số 112/2005/QĐ-TTg ngày 18/5/2005 của Thủ tướng Chính phủ. Nhiều Trung tâm HTCĐ hoạt động rất tích cực, có hiệu quả. Đến năm 2010 trong toàn quốc có 9.990 Trung tâm HTCĐ và đầu năm 2015 đã có gần 11.000 Trung tâm HTCĐ, phủ kín 98,77% xã/phường tại tất cả các tỉnh trong toàn quốc [4].

Theo Số liệu thống kê của Bộ GD-ĐT, chỉ trong 5 năm (2005-2010) đã có hàng chục triệu lượt người được học tập tại các Trung tâm HTCĐ với hàng trăm chuyên đề khác nhau về tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, xã hội... Những trung tâm này đã góp phần tích cực vào việc cải thiện chất lượng đời sống xã hội tại các địa phương; đồng thời, khẳng định vai trò là công cụ thiết yếu xây dựng xã hội học tập từ cơ sở. Ngoài việc hỗ trợ tích cực các trường phổ thông trong việc huy động trẻ đến trường, các Trung tâm HTCĐ đã tổ chức các buổi nói chuyện chuyên đề văn hoá, chính trị và kinh tế; từ đó thay đổi nhận thức của người dân. Tuy nhiên, theo đánh giá của lãnh đạo các trường và Sở GD-ĐT, hiệu quả hoạt động của các Trung tâm là thấp, chưa hỗ trợ được nhiều cho thanh niên trong độ tuổi lao động, những người đã rời nhà trường phổ thông.

2.3.4. Trình độ học vấn của thanh niên nông thôn

- *Trình độ học vấn.* Học vấn là một trong những chỉ tiêu quan trọng phản ánh chất lượng dân số. Trình độ học vấn thường được sắp xếp theo 5 nhóm, gồm: + Không biết chữ; + Chưa tốt nghiệp tiểu học; + Tốt nghiệp tiểu học; + Tốt nghiệp THCS; + Tốt nghiệp THPT trở lên.

Tình trạng GD của thanh niên nông thôn trở nên rõ nét hơn khi đặt trong sự so sánh với thanh niên đô thị, đặc biệt trình độ học vấn. Trình độ học vấn của thanh niên nông thôn thấp hơn nhiều so với thanh niên đô thị và ở cấp học càng cao thì sự chênh lệch càng lớn. Theo số liệu năm 2011, số lao động chưa tốt nghiệp tiểu học ở nông thôn nhiều gấp đôi ở đô thị (18,11% so với 9,51%); trong khi 37,96% lao động ở đô thị tốt nghiệp THPT thì ở nông thôn là 11,40%. Số liệu của các năm 2010 và 2012 cũng cho kết quả tương tự. Xét về mặt cơ

hội thi ở nông thôn, cơ hội học tập của thanh niên hạn chế nhiều so với thành thị như điều kiện kinh tế, trường lớp, môi trường xã hội.

Bảng 1: Trình độ học vấn của nhân khẩu từ 15 tuổi trở lên đang thường xuyên tham gia vào các hoạt động kinh tế (%)

	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012
Trình độ học vấn nông thôn			
Không biết chữ	5,43	4,35	3,87
Chưa tốt nghiệp tiểu học	19,6	18,11	14,13
Tốt nghiệp tiểu học	31,72	31,99	32,6
Tốt nghiệp THCS	34,01	34,15	29,9
Tốt nghiệp THPT	9,24	11,4	19,5

(Nguồn: Số liệu thống kê lao động - việc làm ở Việt Nam. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, các năm 2010, 2011 và 2012)

- *Chuyên môn kĩ thuật.* Trong năm 2010 có 89,90% lao động nông thôn không có chuyên môn kĩ thuật; tỉ lệ này trong năm 2011 và 2012 là 86,7% và 83,5%. Xét trên cơ sở nhu cầu của nền kinh tế thì tỉ lệ như vậy đã phản ánh đúng đặc điểm sản xuất hiện tại của nông thôn. Đó là sản xuất nông nghiệp quy mô nhỏ và lao động thủ công là chủ yếu. Tuy nhiên, xét trên quan điểm phát triển thì với trình độ chuyên môn, nghề nghiệp như vậy, thanh niên nông thôn khó có thể nâng cao được khả năng tự tạo việc làm phi nông nghiệp.

Điều này cho thấy, các ngành, các cấp cần có các giải pháp hữu hiệu, cùng chung tay góp sức để giải quyết tình trạng mất cân đối trong đào tạo hiện nay; đồng thời, cần có giải pháp kết nối cung - cầu giữa các cơ sở GD-ĐT và người sử dụng lao động nhằm đáp ứng nhu cầu về số lượng và chất lượng của thị trường lao động.

3. Một số khuyến nghị phát triển GD cho KVNT

- Mở rộng quy mô trường, lớp, các cơ sở GD-ĐT ở tất cả các bậc học, đặc biệt là các trường mẫu giáo, mầm non tư thục ở KVNT, vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn. Bên cạnh đó, cần tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị GD có hệ thống ở khu vực này phục vụ cho việc đổi mới GD.

- Nhà nước cần quan tâm chỉ đạo các cấp, các ngành có liên quan tăng cường công tác GD, nâng cao nhận thức của chính quyền cơ sở và các gia đình KVNT về vai trò, tầm quan trọng của GD đối với việc xây dựng, phát triển nông thôn mới trong bối cảnh chuyển đổi KT-XH ở KVNT. Các gia đình cần xem việc ưu tiên đầu tư cho GD như là sự chuẩn bị tốt nhất cho tương lai.

(Xem tiếp trang 48)

Tạo sự chú ý: hoạt động trong giai đoạn này nhằm thu hút sự chú ý của người học, kích thích các em suy nghĩ và giúp chúng khôi phục lại những kiến thức đã học.	- Làm mẫu (GV hoặc HS) - Đọc: từ những phương tiện hiện có, báo cáo hoặc sách khoa học, đoạn văn (về địa lí, bài luận, thơ...) - Viết tự do - Phân tích một đồ thị.
Khảo sát: người học có thời gian để suy nghĩ, lên kế hoạch, điều tra và sắp xếp các thông tin thu thập được.	- Nghiên cứu những tài liệu chính xác để thu thập thông tin. - Giải quyết một vấn đề - Xây dựng một bài mẫu - Làm thí nghiệm
Giải thích: người học tiến hành quá trình phân tích những kết quả khảo sát được. Những hiểu biết của các em làm sáng tỏ và chính xác hóa nhờ có những hoạt động phản hồi.	- HS phân tích & giải thích - Những ý kiến hỗ trợ có minh họa - Đọc & thảo luận
Phát biểu: giai đoạn này cung cấp cho người học cơ hội được mở rộng và cố đọng lại những hiểu biết về khái niệm và/ hoặc áp dụng vào tình huống thực tế.	- Giải quyết vấn đề - Khám phá các trải nghiệm - Suy nghĩ về những kĩ năng hoạt động (phân loại, trừu tượng hóa, phân tích lỗi sai.) - Ra quyết định
Đánh giá:	GV và HS tổng hợp kết quả thu được từ bài làm hoặc các công cụ đánh giá khác.

HS chiêm nghiệm, tự đánh giá bằng cách đặt ra và trả lời các câu hỏi; hướng dẫn HS lập *Sổ tự đánh giá* hay *Nhật kí học tập khám phá*, trong đó có một *Bảng tiến độ học tập khám phá* theo từng bài học, *Thang đo thành công*; - GV kiểm tra, phân tích và nhận xét thêm nhật kí học tập khám phá của HS.

* * *

Day học theo mô hình khám phá là một quá trình công nghệ có kiểm soát và đảm bảo tính khoa học,

nâng cao chất lượng và hiệu quả dạy học. Với mô hình khám phá tiến hành theo quy trình 5 bước, người học không chỉ khai thác, sử dụng được vốn kinh nghiệm, hiểu biết của mình để tìm kiếm tri thức mới mà còn có thể mở rộng và liên hệ những vấn đề đã học với đời sống thực tiễn. Việc dạy học theo quy trình giúp nhà sư phạm có thể nhìn nhận và bao quát toàn bộ hoạt động dạy học, đồng thời nhanh chóng phát hiện ra những vấn đề cần điều chỉnh để nâng cao chất lượng dạy học. Mặt khác, mỗi cá nhân người học đều có một khả năng nhất định nào đó trong các lĩnh vực khác nhau, nó thể hiện ở các mức độ tư duy nhận thức khác nhau. Trong quá trình dạy học, nhà sư phạm hiểu rõ khả năng và năng lực riêng của từng HS, mặt mạnh và hạn chế của các em để kịp thời đưa ra các phương pháp, con đường giải quyết thích hợp. Việc dạy học mô hình khám phá với quy trình 5 bước có thể đảm bảo được điều này. □

Tài liệu tham khảo

- [1] Bộ GD-ĐT (2014). *Tài liệu tập huấn Dạy học tích hợp ở trường tiểu học*. NXB Đại học Sư phạm.
- [2] Phó Đức Hòa (2009). *Dạy học tích cực và cách tiếp cận trong dạy học tiểu học*. NXB Đại học Sư phạm.
- [3] Đỗ Thế Hưng - Nguyễn Thị Kim Hoa (2014). *Mô hình dạy học theo tiếp cận các lí thuyết học tập*. Tạp chí Khoa học Giáo dục, số 100, tr 31-34.
- [4] J. Samuel Barkin (2010). *Realist Constructivism: Rethinking International Relations Theory*. Cambridge University Press.
- [5] Jenny W., Leslie J. W (2009). *Focus on Inquiry: A teacher's Guide to Implementing Inquiry - based Learning*. Curriculum Corporation.

Thực trạng giáo dục ở khu vực nông thôn...

(Tiếp theo trang 36)

- Đổi mới cơ chế tài chính về GD theo hướng tăng cường các nguồn đầu tư từ ngân sách Nhà nước, ngân sách từ các nguồn xã hội hóa, các nguồn tài trợ cho phát triển GD ở KVNT. Mở rộng các chính sách hỗ trợ, khuyến khích người học thông qua các chương trình tín dụng, học bổng, khuyến học, khuyến tài nhằm kích lệ người học, nhất là đối với học sinh, sinh viên thuộc những hộ gia đình gặp nhiều khó khăn ở KVNT.

- Nhà nước có chính sách hỗ trợ đầu tư GD dạy nghề có tổ chức, bài bản và có hệ thống, giúp người học có hiểu biết toàn diện về nghề, tránh việc hiểu biết rời rạc, việc học không áp dụng được vào trong thực tiễn. Yêu cầu đặt ra là phát triển GD hướng nghiệp và đào tạo nghề, phải gắn với chiến lược phát triển KT-XH, với nhu cầu phát triển các ngành KT-XH của từng địa phương; chú trọng xây dựng các đề án, các

loại hình đào tạo đa dạng... Sau khi hoàn thành khóa học, Nhà nước, chính quyền địa phương có chính sách hỗ trợ việc làm ngay trong địa phương, để thực hiện tốt việc "li nông bất li hương". □

Tài liệu tham khảo

- [1] Trần Thị Thái Hà (2014). *Giáo dục của các hộ gia đình khu vực nông thôn trong bối cảnh chuyển đổi kinh tế-xã hội*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [2] Thủ tướng Chính phủ (2010). *Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020*.
- [3] Tổng cục Thống kê. *Số liệu thống kê dân số và lao động 2010, 2011*.
- [4] Hội Khuyến học Việt Nam (2015). *Báo cáo thực trạng Trung tâm học tập cộng đồng hiện nay*. Ban điều hành Đề án 281.
- [5] Lê Thị Thu Thủy - Trần Thị Ngọc Tú (2014). *Xu thế phát triển của giáo dục nông thôn: Dự báo nhu cầu giáo dục - đào tạo ở khu vực nông thôn Việt Nam*. Hội thảo khoa học. Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam.